

Số: 03/2025/QĐST-HNGĐ

Hưng Yên, ngày 07 tháng 7 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 35/2025/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2025 giữa:

Nguyên đơn: Anh Trịnh Đức N, sinh năm 1992

Địa chỉ: Tiểu khu M, xã HT, tỉnh Hưng Yên.

Địa chỉ cũ: Tiểu khu M, thị trấn V, huyện TL, tỉnh Hưng Yên

Bị đơn: Chị Trần Thị Ngọc H, sinh năm 2001

Địa chỉ: Đội M, thôn CH, xã HT, tỉnh Hưng Yên.

Địa chỉ cũ: Đội M, thôn CH, thị trấn V, huyện TL, tỉnh Hưng Yên

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Cháu Trịnh Thiên A, sinh ngày 02/8/2022.

Người đại diện hợp pháp cho Cháu A: Anh Trịnh Đức N và Chị Trần Thị Ngọc H - Bố mẹ đẻ cháu.

Căn cứ vào các Điều 212, 213 khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 55, 57, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 6 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 6 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Trịnh Đức N và Chị Trần Thị Ngọc H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trịnh Đức N và Chị Trần Thị Ngọc H thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Anh N, Chị H có 01 con chung là Cháu Trịnh Thiên A, sinh ngày 02/8/2022, hiện Cháu A đang sống cùng Chị H. Anh N và Chị H thoả thuận giao Cháu A cho Chị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh N đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi Cháu A là 3.000.000 đồng/ tháng, thời hạn đóng góp từ tháng 7 năm 2025 đến khi Cháu A đủ 18 tuổi.

Anh N được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Chị H và các thành viên trong gia đình không được cản trở Anh N thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung..

Kể từ ngày Chị H có đơn yêu cầu thi hành án hợp lệ đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con, nếu Anh N không thi hành thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2.3. Về tài sản chung, công nợ, công sức, ruộng cấy: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí: Anh Trịnh Đức N tự nguyện chịu cả 150.000đồng án phí sơ thẩm ly hôn và phải chịu 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, cộng bằng 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí Anh N đã nộp là 300.000đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/24 số 0001138 ngày 08/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TL, tỉnh Hưng Yên, nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực A - Hưng Yên. Anh N đã nộp đủ án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Khu vực A-Hưng Yên;
- Phòng THADS Khu vực A-Hưng Yên;
- UBND xã Hoàng HT (Giấy CNKH số 12/2021 ngày 27/4/2021);
- Phòng KTNV Tòa án tỉnh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Lý